

Số: 1754956

|                                                | Mazda CX-3 1.5L Premium                      | Mazda CX-3 1.5L Deluxe                       |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>641.000.000đ</b>                          | <b>559.000.000đ</b>                          |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                              |                                              |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4275 x 1765 x 1535                           | 4275 x 1765 x 1535                           |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2570                                         | 2570                                         |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                                         | 5300                                         |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 155                                          | 155                                          |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1276                                         | 1264                                         |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1695                                         | 1695                                         |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 350                                          | 350                                          |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 48                                           | 48                                           |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                            | 5                                            |
| Nguồn gốc                                      | Nhập Khẩu                                    | Nhập Khẩu                                    |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                              |                                              |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 1.5L                              | Skyactiv-G 1.5L                              |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                                         | 1496                                         |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 110 / 6000                                   | 110 / 6000                                   |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 144 / 4000                                   | 144 / 4000                                   |
| Hộp số                                         | 6AT                                          | 6AT                                          |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                              | Cầu trước (FWD)                              |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                           | Độc lập Mc Pherson                           |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                                   | Thanh xoắn                                   |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                          | Đĩa                                          |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                          | Đĩa                                          |
| Thông số lốp xe                                | 215/50 R18                                   | 215/50 R18                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 8.56                                         | 8.14                                         |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 5.02                                         | 4.86                                         |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 6.31                                         | 5.8                                          |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                            | ●                                            |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                                 | Normal/Sport                                 |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC Plus | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC Plus |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                              |                                              |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                          | Halogen                                      |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                            | ●                                            |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ●                                            | -                                            |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                            |                                              |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                            | Halogen                                      |
| Đèn sương mù                                   | LED                                          | LED                                          |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                          | Halogen                                      |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                            | ●                                            |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                            | ●                                            |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                                              |                                              |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                                            | ●                                            |

| Chất liệu ghế                                   | Da               | Da + Nỉ          |
|-------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Ghế người lái chỉnh điện                        | ●                |                  |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | ●                |                  |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ              | ●                | ●                |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●                | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | Analog & Digital | Analog & Digital |
| Màn hình HUD                                    | ●                |                  |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 7"               | 7"               |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●                | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●                | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 1                | 1                |
| Chìa khóa thông minh                            | ●                | ●                |
| Khởi động nút bấm                               | ●                | ●                |
| Hệ thống âm thanh                               | 6 loa            | 6 loa            |
| Lấy chuyển số                                   | ●                |                  |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●                | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | ●                | ●                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●                | ●                |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                  |                  |
| Số túi khí                                      | 6                | 6                |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                | ●                |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●                | ●                |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                | ●                |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                | ●                |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                | ●                |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Sau              | Sau              |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●                |                  |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●                |                  |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                |                  |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                |                  |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | Cruise control   | Cruise control   |
| Camera lùi                                      | ●                | ●                |